

**BẢN XÁC NHẬN**  
**Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất dự án Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Konia tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất dự án Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 249/TTr-STNMT ngày 23 tháng 5 năm 2019 (kèm theo hồ sơ),

**XÁC NHẬN:**

1. Khu vực khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000096 ngày 12 tháng 10 năm 2011 (cấp thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 02 năm 2015) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2017; cụ thể: Lòng Sông Đăk Bla, thuộc xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; diện tích 11,99 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ thể hiện tại Phụ lục 01 kèm theo.

2. Khối lượng được phép khai thác: 90.380 m<sup>3</sup>.

3. Công suất được phép khai thác: 70.000 m<sup>3</sup>/năm.

4. Mức sâu khai thác: Không quá 1,0 mét.

5. Phương pháp khai thác: Bằng phương pháp bơm hút.

6. Kế hoạch khai thác, thiết bị khai thác: Có Phụ lục 2 kèm theo.

7. Thời gian khai thác: Đến hết tháng 12 năm 2020.

**8. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:**

**a) Công ty TNHH Konia:**

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện việc khai thác khoáng sản theo phương pháp, toạ độ, diện tích, công suất nêu trên và khối lượng khai thác theo kế hoạch tại Phụ lục 2 văn bản này. Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản, các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và các quy định khác có liên quan về môi trường, đất đai, khoáng sản.
- Quá trình khai thác không để ảnh hưởng tiêu cực đến đất đai, cây cối, hoa màu, công trình của các tổ chức, cá nhân khác nằm lân cận khu vực khai thác của doanh nghiệp (nếu có); Trường hợp khu vực khai thác và khu vực lân cận có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, có biện pháp khắc phục và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý kịp thời.
- Khoáng sản khai thác được chỉ sử dụng cho xây dựng công trình Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla.
- Thực hiện báo cáo định kỳ về hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy.

**b) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm:**

- Phối hợp với Công ty TNHH Konia thực hiện các nội dung có liên quan đến đất đai theo đúng quy định.
- Kiểm tra, giám sát: Việc thực hiện khai thác khoáng sản và sử dụng đất của đơn vị; việc thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và địa phương của Công ty TNHH Konia theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.
- Chủ trì giải quyết các vướng mắc phát sinh đối với hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty TNHH Konia.

**9. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường** sao gửi Bản xác nhận này và cung cấp Bản đồ khu vực khai thác gửi đến các đơn vị liên quan (*Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Kiểm soát Hoạt động Khoáng sản miền Trung, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy, UBND xã Đăk Tô Re*) để biết, quản lý, theo dõi và phối hợp quản lý./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (bản chính);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (bản chính);
- Công ty TNHH Konia (bản chính);
- Lưu:VT, NNTN6.

**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

**Phụ lục 1:**

**KHU VỰC KHAI THÁC CÁT LÀM VLXDĐT**  
**Công trình: Hồ chứa cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla**  
*(Kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND*  
*ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
	X (m)	Y (m)
9	1.585.386	562.627
10	1.585.356	562.631
11	1.585.425	563.792
12	1.585.403	564.075
13	1.585.758	564.827
14	1.585.767	565.013
15	1.586.253	564.926
16	1.586.553	565.363
17	1.586.627	565.363
18	1.586.246	564.902
19	1.585.867	564.981
20	1.585.629	564.579
21	1.585.431	564.020
22	1.585.447	563.769
<b>Diện tích: 11,99 ha</b>		

**Phụ lục 2:**

**KẾ HOẠCH, DANH MỤC THIẾT BỊ KHAI THÁC  
CÁT LÀM VLXDĐT**

**Công trình: Hồ chứa cát lũ kết hợp phát điện Đăk Bla**

*(Kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND*

*ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**I. Kế hoạch khai thác:**

STT	Thời gian khai thác	Khối lượng khai thác (m <sup>3</sup> )
1	Năm 2019	70.000
2	Năm 2020	20.380

**II. Máy móc, thiết bị:**

STT	Tên thiết bị	Số lượng (cái)
1	Máy đào (xúc) dung tích gầu 1,6-2,0 m <sup>3</sup>	04
2	Máy súc lật	02
3	Máy ủi Komatsu	02
4	Ô tô tự đổ 15 tấn	06
5	Máy hút cát	08
6	Máy bơm	08
7	Thuyền chở cát	02

\* **Ghi chú:** Máy đào, máy súc, máy ủi không được đưa vào lòng sông (đào, bới) khai thác cát.